

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2018/HS-ST**

Ngày: 28-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Xuân Nguyên;

2. Bà Hà Kiều Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Đậu Xuân Hà - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2018/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Quốc Đ, sinh ngày 10/5/1955 tại huyện, tỉnh; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Bá T (đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1957 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân bị cáo: năm 1994 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo bản án hình sự sơ thẩm số 04/HSST, ngày 24/10/1994 (bản án có kháng cáo, tại bản án số 48/HSPT, ngày 30/12/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh C xử y án). Đã được xóa án tích ngày 16/01/2001.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/3/2018 (có mặt).

2. Vi Văn N, sinh ngày 28/4/1987 tại xã T, huyện L, tỉnh B; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn K, sinh năm 1962 và bà Mã Thị V, sinh

năm 1962; Bị cáo có vợ là Từ Thị L, sinh năm 1990 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/9/2018 (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

1. Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn - Địa chỉ: Khu I, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện hợp pháp: Bà Chu Thị H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt có lý do).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Tấn T, chức vụ: Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1964 - Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- Bà Lâm Thị B, sinh năm 1964 - Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- Bà Triệu Thị R, sinh năm 1969 - Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

3. Người làm chứng:

- Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1987 - Nơi cư trú: Thôn KC, xã T, huyện L, tỉnh B (vắng mặt không có lý do).

- Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1991 - Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt không có lý do).

- Anh Lự Văn T, sinh năm 1989 - Nơi cư trú: Thôn B xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt không có lý do).

- Anh Giàng Văn Q, sinh năm 1991 - Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/12/2017, Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vân Tùng tiến hành kiểm tra, phát hiện một phần diện tích rừng phòng hộ tại thửa số 446, 474, khoảnh 8, tiểu khu 128 thuộc thôn Bản Liềng, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn do hộ gia đình bà Triệu Thị R, sinh năm 1969 và hộ gia đình ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1964, Lâm Thị B sinh năm 1969 cùng trú tại thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn khoanh nuôi, bảo vệ theo Quyết định giao rừng trồng dự án Pam 5322 số 1033 và 1068

ngày 31/12/2003 của do Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn (UBND huyện Ngân Sơn) cấp với mục đích sử dụng đất là đất rừng phòng hộ đã bị khai thác trắng.

Ngày 03/1/2018, Hạt Kiểm lâm phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn, chính quyền địa phương tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích rừng và số cây thông (thuộc nhóm V) bị khai thác trắng tại thửa số 446, 474 (Liên kề nhau), khoảnh 8, tiểu khu 128 thuộc thôn Bản Liềng, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn. Thiệt hại được tính bằng máy định vị toàn cầu (GPS) và kiểm kê, đo đạc, thống kê số lượng cây thông bị khai thác. Kết quả xác định diện tích rừng bị khai thác của hộ gia đình bà Triệu Thị R là 4293m² (0.429ha) thuộc thửa 474, số cây thông bị khai thác là 354 cây và số gỗ được cắt khúc là 1680 khúc đang được đôn đống bỏ tại hiện trường có tổng khối lượng là 49,082m³ gỗ tròn; diện tích bị khai thác của hộ gia đình ông Hoàng Văn Q, Lâm Thị B là 4271m² (0.4271ha) thuộc thửa số 446, số cây thông bị khai thác là 212 cây và số gỗ được cắt khúc là 1498 khúc đang được đôn đống tại hiện trường có tổng khối lượng là 46,5547m³ gỗ tròn. Tổng diện tích rừng thông bị khai thác là 8564m² (0.8564ha), số cây thông bị khai thác là 566 cây và số gỗ được cắt khúc là 3178 khúc có tổng khối lượng là 95.64m³ gỗ tròn. Theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2005 của UBND huyện Ngân Sơn thì phần diện tích rừng khai thác thuộc rừng phòng hộ do UBND huyện Ngân Sơn quản lý.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Đ khai nhận: Do có nhu cầu mua rừng thông để khai thác gỗ mang bán nên vào khoảng tháng 11 năm 2017, bị cáo Động trao đổi, thỏa thuận bằng miệng về việc mua số diện tích rừng thông trên với hộ gia đình bà Triệu Thị R và ông Hoàng Văn Q, Lâm Thị B để khai thác và thống nhất giá gỗ thông sau khi khai thác thì loại có đường đính 15cm, dài 02m trở lên là 800.000đồng/01m³, loại dài 1,1m 300.000đồng/01m³ và bị cáo có trách nhiệm làm các thủ tục xin phép để khai thác. Sau khi thỏa thuận xong thì 02 hộ gia đình trên giao cho bị cáo Đ các loại giấy tờ liên quan đến diện tích rừng trên để bị cáo Đ làm thủ tục xin cấp phép và tự tổ chức khai thác. Đến khoảng giữa tháng 12 năm 2017, bị cáo Đ thuê Đinh Thiện H, sinh năm 1988 trú tại khu C, xã T, Ngân Sơn dùng máy xúc mở đường vào vị trí diện tích trên với tổng chiều dài là 177,3m, rộng 3,7m (theo đường mòn có sẵn) và đồng thời thuê bị cáo Vi Văn N, sinh năm 1987 trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh B đứng ra nhận khai thác toàn bộ diện tích rừng thông mà bị cáo Đ đã mua với giá 320.000đồng/01m³ đã cắt khúc và bốc lên xe, còn việc tổ chức khai thác là do N tự thuê người tiến hành (do trước đó bị cáo N là người thường xuyên được bị cáo Đ thuê đứng ra để khai thác rừng thông mà bị cáo Đ mua và được phép khai thác) còn các thủ tục xin cấp phép khai thác là do bị cáo Đ tiến hành, Sau khi mở đường xong thì bị cáo Đ đưa bị cáo N lên diện tích rừng mà bị cáo Đ mua với 02 hộ gia đình trên và bị cáo N tiến hành làm lán để ở tổ chức khai thác, sau đó bị cáo Đ đi về nhà ở của mình. Do trời mưa không tiến hành khai thác được nên khoảng 02 ngày sau trời tạnh mưa thì bị cáo N gọi điện cho bị cáo Đ lên chỉ vị trí cụ thể diện tích rừng bị cáo Đ mua để tiến hành khai thác thì bị cáo Đ báo đang bị ốm không lên được và cho bị cáo N số điện thoại bà R và ông Q để bị cáo N tự gọi điện cho họ lên chỉ vị trí diện tích rừng khai thác thì bị cáo N gọi

điện cho bị cáo Đ hỏi hộ gia đình trên lên chỉ vị trí diện tích rừng khai thác thì bị cáo N gọi điện hỏi việc cắt gỗ kích thước như thế nào thì được bị cáo Đ bảo loại cây có đường kính 15cm trở lên thì cắt khúc dài 02m, loại còn lại cắt khúc dài 1,1m. Sau đó bị cáo N tiến hành khai thác như thế nào thì bị cáo Đ không rõ. Đến ngày 21/12/2017 thì bị Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản. Sau khi bị cáo Đ thỏa thuận mua được diện tích rừng của 02 hộ gia đình bà R, ông Q và được giao cho các giấy tờ liên quan để bị cáo đi làm thủ tục xin cấp phép khai thác nhưng bị cáo Đ không tiến hành đi làm thủ tục xin cấp phép như đã thỏa thuận và khi bị cáo N gọi điện hỏi về cắt gỗ kích thước như thế nào thì bị cáo Đ cũng không nói với bị cáo N diện tích rừng trên đã được cấp phép khai thác hay chưa.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo N khai nhận: Do trước đó thường xuyên được bị cáo Đ thuê khai thác rừng thông trên địa bàn huyện Ngân Sơn. Nền khoảng thời gian giữa tháng 12/2017, N được Đ thuê tiến hành khai thác diện tích rừng thông mà Đ bảo với N đã mua với 02 hộ gia đình bà R và ông Q, bà B với giá thỏa thuận 320.000đồng/01m³ đã cắt và bốc lên xe, việc tổ chức khai thác là do N thuê người tiến hành còn thủ tục xin cấp phép khai thác do Đ tiến hành. Sau đó N được Đ đưa lên chỉ diện tích rừng mà Đ mua với 02 hộ gia đình trên và N tiến hành dựng lán để tổ chức khai thác và Đ đi về nhà của mình. Sau khi nhận lời khai thác diện tích rừng trên cho Đ thì N thuê Trương Văn Đ, sinh năm 1987 trú tại thôn KC, xã T, huyện L, tỉnh B; một người tên B (N không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) chỉ biết người ở huyện L, tỉnh B; Hoàng Văn L, sinh năm 1989, Lữ Văn T, sinh năm 1989 và Giàng Văn Q, sinh năm 1991 (Tên gọi khác QX) cùng trú tại thôn Bản Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn với số tiền công là 200.000đồng/ngày/người, riêng người cầm máy cưa lóc cắt cây là 300.000đồng/ngày/người và bao nuôi ăn. Sau đó do trời mưa không tiến hành khai thác được nên khoảng 02 ngày sau trời mưa tạnh thì Nam gọi điện thoại cho Đ lên chỉ vị trí cụ thể diện tích rừng Đ mua để tiến hành khai thác thì Đ bảo đang bị ốm không lên được và cho N số điện thoại bà R và ông Q để N tự gọi điện cho họ lên chỉ vị trí, diện tích rừng để khai thác. Sau đó N gọi điện được bà R, ông Q lên chỉ vị trí, đánh dấu ranh giới diện tích rừng khai thác rồi bà R, ông Q về nhà. Khi biết được vị trí, diện tích N gọi điện lại cho Đ hỏi việc cắt gỗ kích thước như thế nào thì được Đ bảo loại có đường kính 15cm trở lên thì cắt khúc dài 02m, còn lại cắt khúc dài 1,1m. Sau đó N trực tiếp sử dụng 02 máy cưa lóc và chỉ đạo, hướng dẫn Đ, B, L, T, Q tiến hành cắt cây, cắt khúc và vận xuống tập kết khu vực đường mà Đ thuê người mở trước đó. Trong quá trình khai thác thì N và Đ là người trực tiếp sử dụng máy cưa để cắt cây, cắt khúc còn B, L, T, Q là người vận xuống đường để tập kết. Đến ngày 21/12/2017 thì bị Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản lúc đó N mới biết là diện tích rừng khai thác chưa được cấp phép khai thác. Ngoài ra N còn khai nhận, bản thân thường xuyên được Hoàng Quốc Đ thuê khai thác rừng (Gỗ thông) từ tháng 11/2016. Những lần đầu khai thác cho Đ thì N có hỏi diện tích rừng khai thác được cấp phép chưa, còn những lần sau đó thì N không hỏi chỉ cần Đ bảo N khai thác thì N tiến hành khai thác. Đối với việc khai thác diện tích đất rừng của gia đình bà

R và ông Q thì N cũng không hỏi hay tìm hiểu diện tích đất rừng trên đã được cấp phép khai thác hay chưa, N cũng không hỏi Đ và Đ cũng không bảo N diện tích đất rừng trên đã làm thủ tục và được cấp phép khai thác hay chưa (BL 313-316, 403-428).

Tiến hành xác minh:

- Bà Triệu Thị R trình bày: Diện tích rừng thông mà gia đình bà bán cho ông Hoàng Quốc Đ là khu rừng của gia đình bà được UBND huyện Ngân Sơn giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ theo Quyết định giao rừng trồng dự án Pam 5322 số 1033 ngày 31/12/2003 và bà được nhận hỗ trợ tiền công một lần (bằng gạo). Đến khoảng tháng 11/2017 khi được ông Đ hỏi mua diện tích rừng trên để khai thác gỗ thông thì gia đình đồng ý và thỏa thuận bằng miệng với giá tiền bán sau khi khai thác thì loại có đường kính 15cm, dài 02m trở lên là 800.000đồng/01m³, loại dài 1,1m là 300.000đồng/01m³ và ông Đ có trách nhiệm làm các thủ tục xin phép để khai thác. Sau đó bà đưa giấy tờ có liên quan đến diện tích rừng trên cho ông Đ để Đ làm thủ tục xin cấp phép và tự tổ chức khai thác. Đến khoảng giữa tháng 12/2017 thì có Vi Văn N là người đứng ra khai thác cho ông Đ có gọi điện cho bà để lên chỉ vị trí, đánh dấu ranh giới diện tích rừng khai thác, sau đó bà đi về nhà. Bản thân bà không biết diện tích rừng trên được khai thác vào thời điểm nào và ông Đ đã làm thủ tục xin cấp phép khai thác hay chưa. Ngoài ra bà không biết diện tích rừng thông trên được quy hoạch vào loại rừng gì và nếu biết ông Đ chưa làm thủ tục và chưa được cấp phép thì bà không cho khai thác. Đến ngày 21/12/2017 khi Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản về việc khai thác diện tích rừng trên thì bà mới được biết là chưa được cấp phép khai thác (BL 353-362).

- Ông Hoàng Văn Q trình bày: diện tích rừng thông mà gia đình bà bán cho ông Hoàng Quốc Đ để khai thác là khu rừng gia đình bà được UBND huyện Ngân Sơn giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ theo Quyết định giao rừng trồng dự án Pam 5322 số 1068 ngày 31/12/2003 và bà được nhận hỗ trợ tiền công một (bằng gạo). Đến khoảng tháng 11/2017 khi được bị cáo Đ hỏi mua lại diện tích rừng trên để khai thác gỗ thông thì gia đình đồng ý và thỏa thuận bằng miệng với giá tiền bán sau khi khai thác thì loại có đường kính 15cm, dài 02m trở lên là 800.000đồng/01m³, loại dài 1,1m là 300.000đồng/01m³ và ông Đ có trách nhiệm làm các thủ tục xin cấp phép để khai thác. Sau đó gia đình đưa giấy tờ có liên quan đến diện tích đất rừng trên cho ông Đ để làm thủ tục xin cấp phép và tự tổ chức khai thác. Đến khoảng giữa tháng 12/2017 thì có Vi Văn N là người đứng ra khai thác cho ông Đ có gọi điện cho ông Q để lên chỉ vị trí, đánh dấu ranh giới diện tích rừng khai thác, sau đó ông đi về nhà. Bản thân bà B và ông Q không biết diện tích rừng trên được khai thác vào thời điểm nào và ông Đ đã làm thủ tục xin cấp phép khai thác hay chưa. Ngoài ra gia đình không biết diện tích rừng thông trên được quy hoạch vào loại rừng gì và nếu biết ông Đ chưa làm thủ tục và chưa được cấp phép thì gia đình không cho khai thác. Đến ngày 21/12/2017 khi Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản về việc khai thác diện tích rừng trên thì gia đình mới được biết là chưa được cấp phép khai thác (BL 363-374).

- Anh Trương Văn Đ, Hoàng Văn L, Giàng Văn Q trình bày: khoảng giữa tháng 12/2017 bản thân có được anh Vi Văn N thuê khai thác gỗ thông tại khu vực thôn Bản Liềng, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn với số tiền công là 200.000đ/ngày/người, riêng người cầm máy cưa cắt cây là 300.000đồng/ngày và bao nuôi ăn. Đến ngày 21/12/2017 khi đang khai thác diện tích đất rừng trên thì bị Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản lúc đó các anh mới biết diện tích rừng khai thác chưa được cấp phép khai thác. Trong quá trình khai thác thì anh N là người chỉ đạo, hướng dẫn các anh khai thác còn thủ tục cấp phép khai thác thì các anh không biết vì chỉ là người làm thuê cho N để lấy tiền công. Ngoài ra trước đó các anh thường xuyên được anh N thuê khai thác rừng (gỗ thông) (BL 327-330, 341-352).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản. Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 01/BB-HĐĐG, ngày 01/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ngân Sơn kết luận: *“Tổng khối lượng 95,64m³ gỗ tròn là gỗ thông có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 132.528.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng)”* (BL 78-79).

Tại cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, các bị cáo Hoàng Quốc Đ và Vi Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSNS, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Quốc Đ và Vi Văn N về tội *“Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo”* theo quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm về nội dung như bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Quốc Đ và Vi Văn N phạm tội *“Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”* theo quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Hoàng Quốc Đ: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 175; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo mức án từ 2 đến 3 năm tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 4 đến 5 năm; không đề nghị xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Vi Văn N: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 175; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); xử phạt bị cáo mức án từ 2 đến 3 năm tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 4 đến 5 năm; không đề nghị xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 26.969.600đồng; tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam CS-510, máy cũ đã qua sử dụng, lam của máy bị tháo rời, không có xích do ông Hoàng Quốc Đ tự nguyện giao nộp và 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam liền máy, xích bị đứt rời khỏi lam máy, máy ký hiệu Husqvarna 353 do bị cáo Vi Văn N tự nguyện giao nộp.

Về án phí đề nghị Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn cũng đề nghị Hội đồng xét xử khi nhận định đánh giá về hậu quả, tính chất mức độ của hành vi phạm tội cần xem xét theo hướng có lợi cho các bị cáo căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ quy hoạch kèm theo thì khu vực rừng mà các bị cáo khai thác có sự điều chỉnh chuyển từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Do có nhu cầu mua và khai thác gỗ rừng (gỗ thông) nên vào khoảng tháng 11 năm 2017, bị cáo Hoàng Quốc Đ đã đến nhà và trực tiếp thỏa thuận (bằng miệng) việc mua bán, khai thác và hứa là sẽ có trách nhiệm làm thủ tục để khai thác rừng gỗ thông với hộ gia đình bà Triệu Thị R sinh năm 1969 và hộ gia đình ông Hoàng Văn Q (sinh năm 1964), bà Lâm Thị B (sinh năm 1964) cùng trú tại thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Khu rừng của hai hộ gia đình này được giao trồng, khoanh nuôi, bảo vệ theo Quyết định giao rừng trồng dự án Pam

5322 số 1033 và 1068 ngày 31/12/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn và đã được quy hoạch là khu vực rừng phòng hộ tại thửa số 446, 474, khoảnh 8, tiểu khu 128 thuộc thôn Bản Liềng, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Sau đó đến khoảng giữa tháng 12/2017, Đ thuê Vi Văn N, sinh năm 1987 trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh B đứng ra nhận khai thác toàn bộ diện tích rừng tại hai thửa trên. Tuy nhiên, bị cáo Đ không đi làm các thủ tục để xin cấp phép khai thác mà chỉ đạo và bỏ mặc bị cáo Nam tiến hành thuê thêm người khai thác trắng toàn bộ số cây thông trên hai thửa đất rừng trên. Đối với bị cáo N là người trực tiếp được bị cáo Đ thuê khai thác gỗ rừng (gỗ thông) trên cho Đ nhưng bản thân N không quan tâm và tìm hiểu về việc diện tích rừng khai thác trên đã được cấp giấy phép khai thác hay chưa được cấp phép nên phải chịu trách nhiệm hình sự chung với Hoàng Quốc Đ. Hậu quả là tại khu vực rừng phòng hộ thửa số 446 và 474 thuộc khoảnh 8, tiểu khu 128 có địa chỉ tại thôn Bản Liềng, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã bị khai thác trái phép với tổng diện tích rừng thông bị khai thác là 8564m² (0.864ha), số cây thông (nhóm V) bị khai thác là 566 cây và số gỗ bị cắt khúc là 3178 khúc có tổng khối lượng là 95,64m³ gỗ tròn có giá trị **132.528.000đồng**.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, ảnh hưởng lớn đến công tác phát triển và bảo vệ rừng nhất là rừng phòng hộ, gây tổn hại đến môi trường và làm mất trật tự an ninh ở địa phương. Hành vi khai thác 95,64m³ gỗ thông (nhóm V) thuộc khu vực rừng phòng hộ của các bị cáo đã vượt quá 04 lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản và phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo tình tiết định khung phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Điều luật có nội dung quy định:

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Khai thác trái phép cây rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật này;

b) Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật này.

2. Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến hai mươi triệu đồng.

Về vai trò thực hiện tội phạm, xét đây là vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo tuy không có sự bàn bạc, thỏa thuận cùng nhau thực hiện hành vi mua và khai thác diện tích rừng nêu trên, bị cáo Đ là người trực tiếp thỏa thuận mua rừng, hứa hẹn xin giấy phép và tổ chức việc khai thác, bị cáo N là người được bị cáo Đ thuê để khai thác số gỗ trên diện tích rừng đã mua. Do vậy, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự chung đối với số gỗ đã khai thác trên diện tích rừng nêu trên.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy:

Bị cáo Vi Văn N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu tiên phạm tội, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình đã gây ra, quá trình điều tra, trước khi xét xử các bị cáo đã trồng lại toàn bộ diện tích rừng bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của các bị cáo gây ra, hiện nay số cây trồng lại đã phát triển xanh tốt vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài ra, bị cáo Hoàng Quốc Đ là người có công với nước, bản thân tham gia kháng chiến và bị nhiễm chất độc hóa học với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động là 61% và phải chăm sóc 02 người con bị nhiễm chất độc hóa học với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động đều 81%, do vậy bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ (theo quy định có lợi) quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đại diện nguyên đơn dân sự có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Do vậy, cả hai bị cáo đều được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngoài ra, căn cứ vào Quyết định số 1794/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ quy hoạch kèm theo thì khu vực rừng mà các bị cáo khai thác có sự điều chỉnh chuyển từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất. Do vậy, cần xem xét đây là tình tiết mới, do biến chuyển của tình hình xã hội để xem xét, đánh giá về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi để cân nhắc xem xét cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo: Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, bản thân thực hiện tốt các quy định nơi cư trú, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù ngay, mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong thời gian thử thách, qua đó cũng đủ điều kiện để cho các bị cáo có cơ hội trở thành công

dân tốt, có ích cho xã hội và cộng đồng, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, đại diện tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền ông Hà Tấn T, Phó phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện có đơn yêu cầu các bị cáo phải khắc phục thiệt hại theo quy định. Vào đầu tháng 9 năm 2018 các bị cáo đã trồng lại thông trên diện tích rừng bị chặt hạ trước đó.

[5] Trong vụ án này còn có những vấn đề liên quan:

Đối với bà Triệu Thị R, sinh năm 1969 và ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1964 cùng trú tại thôn B, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là những người được giao trồng, khoanh nuôi và bảo vệ đối với diện tích rừng bị khai thác trái phép trên. Tuy nhiên, khi bán diện tích rừng cho Hoàng Quốc Đ thì bản thân bà R, ông Q không nắm rõ diện tích rừng trên của mình đã được nhà nước quy hoạch vào khu vực rừng phòng hộ, ngoài ra khi bán rừng cho ông Đ như đã thỏa thuận là ông Đ có trách nhiệm làm các thủ tục xin cấp phép khai thác và đã đưa toàn bộ giấy tờ liên quan đến diện tích rừng cho ông để làm thủ tục, bản thân bà R, ông Q cũng không biết diện tích rừng trên được khai thác từ lúc nào. Xét hành vi của bà R, ông Q không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với Trương Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại thôn KC, xã T, huyện L, tỉnh B; Hoàng Văn L, sinh năm 1991, Lự Văn T, sinh năm 1989 và Giàng Văn Q, sinh năm 1991 (Tên gọi khác QX) cùng trú tại thôn B, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn và một người tên B (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) là những người được Vi Văn N thuê để cùng N tiến hành khai thác rừng. Tuy nhiên, bản thân những người này cũng chỉ là người làm thuê cho N và không biết diện tích rừng trên đã được cấp phép hay chưa. Quá trình khai thác làm theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của N. Xét hành vi của Đ, L, T, Q và B không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với hành vi của Hoàng Quốc Đ thuê Đinh Thiện H, sinh năm 1988 trú tại Khu C, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn sử dụng máy xúc mở 01 con đường dài 177,3m, rộng 3,7m vào đến diện tích rừng để khai thác. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tách phần vi phạm này chuyển cho Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn để xem xét, xử lý. Tuy nhiên, qua xác minh xử lý Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn xác định diện tích mở đường trên thuộc trạng thái đất trống, không gây ảnh hưởng đến rừng trồng và cây tự nhiên nên không đủ căn cứ để xử lý hành chính đối với hành vi này.

Đối với cơ sở chế biến gỗ của bà Vi Thị L, sinh năm 1963 trú tại thôn Cốc Lùng, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh 13C 8 000 1161 ngày 28/9/2016 của UBND huyện Ngân Sơn được đặt tại khu I, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là nơi bị cáo Hoàng Quốc Đ dự kiến sau khi mua, khai thác gỗ mang về chế biến thành phẩm để mang đi tiêu thụ. Quá trình điều tra, xác định bị cáo Đ có việc hợp tác

làm ăn với cơ sở này. Tuy nhiên việc mua bán, khai thác rừng (gỗ thông) là do bị cáo Đ tự thực hiện, quyết định việc bỏ vốn mua bán rừng, tổ chức khai thác và là giao dịch dân sự khác không liên quan đến cơ sở này. Nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với Lâm trường huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là đơn vị có ký kết hợp đồng kinh tế về việc mua bán gỗ số 03/HĐKT ngày 20/01/2013 với bà Triệu Thị R và hợp đồng kinh tế về việc mua bán gỗ số 07/HĐKT (không đề ngày, tháng, năm) với bà Lâm Thị B (Vợ ông Q). Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định việc ký hợp đồng kinh tế về việc mua bán gỗ giữa các bên với nội dung thỏa thuận không cụ thể vị trí diện tích rừng mua bán ở đâu, mức giá, khối lượng khai thác và các bên hiện tại chưa tiến hành thực hiện hợp đồng. Xét thấy đây là giao dịch dân sự khác, không liên quan đến vụ án. Nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Đối với số gỗ thông (nhóm V) sau khi khai thác dồn đống tại hiện trường qua đo, đếm xác định tổng số cây bị khai thác, cắt khúc là 566 cây = 3178 khúc và có tổng khối lượng là 95,64m³ gỗ tròn. Sau khi khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn đã tiến hành tạm giữ. Đến ngày 12/7/2018 đã tiến hành bán đấu giá toàn bộ số gỗ trên (do trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản - Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn tiến hành) theo Quyết định xử lý vạ vật chứng số 03 ngày 23/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn được số tiền 93.100.000đồng, sau khi trừ các chi phí (tiền thuê vận chuyển, trông coi, chi phí bán đấu giá) với tổng số tiền 66.130.400đồng, số tiền còn lại 26.969.600đồng. Xét cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền này.

Đối với 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam CS-510, máy cũ đã qua sử dụng, lam của máy bị tháo rời, không có xích do ông Hoàng Quốc Động tự nguyện giao nộp và 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam liền máy, xích bị đứt rời khỏi lam máy, máy ký hiệu Husqvarna 353 do bị cáo Vi Văn N tự nguyện giao nộp xét đây là công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc khai thác gỗ trái phép do vậy cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn Đ và Vi Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 175, Điều 41, điểm b, p khoản 1 + khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, 2 Điều 106, 135, 136, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để áp dụng đối với bị cáo Hoàng Quốc Đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 175, Điều 41, điểm b, p khoản 1 + khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 1, 2 Điều 106, 135, 136, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để áp dụng đối với bị cáo Vi Văn N.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Quốc Đ và Vi Văn N phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

1.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc Đ 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

1.2. Xử phạt bị cáo Vi Văn N 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh B giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án:

2.1. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền còn lại 26.969.600đ (hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng) sau khi đấu giá tài sản là 95.64m³ gỗ thông, đã trừ các khoản chi phí theo quy định.

2.2. Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam CS-510, máy cũ đã qua sử dụng, lam của máy bị tháo rời, bị rỉ, đầu lam bị mẻ, bảo vệ tay trước bị gãy một bên, máy không có xích, không rõ nơi sản xuất do bị cáo Hoàng Quốc Đ tự nguyện giao nộp; 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam, máy cũ đã qua sử dụng, có lưỡi lam liền máy, xích bị đứt rời khỏi lam của máy, máy ký hiệu Husqvarna 353, không có nơi sản xuất do bị cáo Vi Văn N tự nguyện giao nộp.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Hoàng Quốc Đ và Vi Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện Ngân Sơn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn (khi án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu: HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

